

Bản án số: 598/2019/DSPT
Ngày 21 tháng 11 năm 2019
V/v “*Tranh chấp đòi lại quyền
sử dụng đất cho ở nhờ*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Văn Thành**

Các thẩm phán: Ông **Phạm Văn Công**

Ông **Võ Văn Khoa**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Lê Văn Duẩn**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Khánh Toàn**, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 109/2019/TLPT-DS ngày 26 tháng 02 năm 2019 về việc “*Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất cho ở nhờ*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 29/2018/DSST ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2228/2019/QĐ-PT ngày 25 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nhan Văn Bu** (Nhan văn B), sinh năm 1957 (chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ:

1. Bà **Trần Thị Kim K**, sinh năm 1959,
2. Anh **Nhan Hoàng L**, sinh năm 1982 (có mặt)
3. Chị **Nhan Hồng M**, sinh năm 1987

Cùng trú tại: ấp **Phổ**, xã **An Qu H**, huyện **T C**, tỉnh **Trà Vinh**

Đại diện theo ủy quyền của bà **Trần Thị Kim K**, chị **Nhan Hồng M** là anh **Nhan Hoàng L** (có mặt)

(theo văn bản ủy quyền ngày 01/8/2017)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông **Nhan Hoàng L**: Luật sư **Lê**

Thị Phương Y thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Văn Q {Trần Văn Q, Nguyễn Văn B, Bé L}, sinh năm 1958 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Phổ, xã An Qu H, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nhan Thị T, sinh năm 1954

2/ Ông Nhan Văn B, sinh năm 1968

Cư trú tại: ấp Phổ, xã An Qu H, huyện T C, tỉnh Trà Vinh

3/ Ông Nhan Văn S, sinh năm 1965

Địa chỉ: số 11 Paringa Boulevard meadow hieghts Victoria 3048 UCT, Australia

4/ Nhan Ngọc M, sinh năm 1981

5/ Nhan Ngọc T, sinh năm 1985

6/ Nhan Huỳnh N, sinh năm 1988

7/ Trần Thị H, sinh năm 1958

Cư trú tại: ấp Trinh Phụ, xã L Th, huyện T c tỉnh Trà Vinh

Đại diện theo ủy quyền của bà Tuyết, ông Bảy, ông Sáu; Nhan Ngọc M, Nhan Ngọc T, Nhan Huỳnh N, Trần Thị H: Anh Nhan Hoàng L (có mặt)

(theo văn bản ủy quyền ngày 01/8/2017, ngày 8/8/2017 và ngày 28/8/2017)

8/ Bà Thái Thị S, sinh năm 1957

9/ Anh Trần Quốc D, sinh năm 1982

10/ Anh Trần Quốc Ng, sinh năm 1983

11/ Anh Trần Văn T, sinh năm 1986

12/ Chị Trần Thị Ngọc D, sinh năm 1989

Cư trú tại: ấp Phổ, xã An Qu H, huyện T C, tỉnh Trà Vinh

Đại diện theo ủy quyền của Thái Thị S, Trần Quốc D, Trần Quốc Ng, Trần Văn T, Trần Thị Ngọc D: Ông Trần Văn Quang, sinh năm 1958 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Phổ, xã An Qu H, huyện T C, tỉnh Trà Vinh

(theo văn bản ủy quyền ngày 04/10/2017)

- Công ty cổ phần Tháp Vàng BTS

Địa chỉ: số 47 Phùng Khắc Khoan, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: ông Harri Grigory John, chức vụ: Tổng Giám Đốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ông Nhan Hoàng L là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nhan Văn Bu cùng đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Kim K, chị Nhan Hồng M, bà Nhan Thị T, Nhan Văn B, ông Nhan Văn S, Nhan Ngọc M, Nhan Ngọc T, Nhan Huỳnh N, Trần Thị H, trình bày:

Bà nội ông là bà Trịnh Thị T sử dụng đất trước năm 1975, vào thời điểm này bà Thắng canh tác trồng dòng như khoai mì, khoai lang và trồng dừa hết diện tích đất tranh chấp.

Đến sau năm 1975 sau khi ông nội ông qua đời thì phần đất tranh chấp bà nội ông không canh tác nữa mà để đất trống và chỉ sử dụng phần đất từ bờ tre trở ngược lại phần đất mà gia đình ông đang sử dụng cho đến nay.

Tuy nhiên, ông có nghe những người lớn tuổi tại địa phương kể lại trên phần diện tích đất tranh chấp hiện nay trước đây có một nhà máy xay lúa được xây dựng trên phần đất này, nhưng ông không biết nhà máy xay lúa này của ai, ông cũng không biết lý do tại sao họ được xây dựng nhà máy xay lúa trên phần đất của gia đình ông và hiện nay trên đất vẫn còn dấu tích, nền móng của nhà máy xay lúa.

Bà nội ông sử dụng đất đến năm 1983 thì có đăng ký kê khai với diện tích là 5.650m² tại thửa 511 (nay là thửa 534) trên sổ ruộng đất. Đến năm 1993, ông Quang có hỏi bà nội ông mượn phần đất tranh chấp cất nhà ở, việc mượn đất này không có làm giấy tờ, cũng không có ai chứng kiến. Lúc đầu ông Quang cất nhà lá, cây tre, về sau ông Quang xây dựng nhà cấp 4, nhưng gia đình nhà ông không có ai tranh chấp. Đến năm 2007 ông Quang cho Công ty cổ phần dịch vụ hạ tầng mạng thuê để đặt trạm phát sóng - BTS nhưng chưa có sự đồng ý của cha ông là ông Buône nên phát sinh tranh chấp.

Do đây là đất của ông bà ông để lại, nên ông yêu cầu hộ ông Trần Văn Q trả lại cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Trịnh Thị T gồm Trần Thị Thu Hồng, Nhan Ngọc M, Nhan Ngọc T, Nhan Huỳnh N (vợ con của ông Nhan Văn Đấu), Nhan Thị T, Nhan Văn S, Nhan Văn B, bà Trần Thị Kim K, Nhan Hoàng L, Nhan Hồng M (Vợ con ông Nhan Văn Buône) diện tích đất 2.350m² thửa số 534, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp Phổ, xã An Qu H, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

Ông đồng ý cho lại hộ ông Trần Văn Q diện tích 100m² đất trong tổng diện tích đất 2.450m² thửa số 534, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp Phổ, xã An Qu H, huyện T C, tỉnh Trà Vinh để xây dựng nhà ở.

Đối với diện tích đất bị Nhà nước thu hồi để mở rộng đường đi ông không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, khi cần thiết ông sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Đối với Công ty cổ phần Tháp Vàng BTS được ông Quang cho thuê đất để lắp đặt trạm phát sóng - BTS ông cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Bị đơn, ông Trần Văn Q cùng đại diện cho bà Thái Thị S, Trần Quốc D, Trần Quốc Ng, Trần Văn T, Trần Thị Ngọc D, trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Trần Khán là ông cố của ông để lại cho ông Trần Trãi (Trần Chãi) là ông ngoại của ông, sau khi ông Trãi chết mới để lại cho mẹ của ông là bà Trần Thị Liềm sử dụng đến năm 1966 mẹ ông chết nên để lại cho ông sử dụng diện tích đất 4.760m² đất.

Đến năm 1968 ông đi bộ đội, nên ông cho bà Trịnh Thị T sử dụng một nửa của thửa đất, phần diện tích còn lại cũng là diện tích đất hiện nay hai bên đang tranh chấp thì vào năm 1962 ông ngoại của ông đã cho ông Châu Khôn thuê để xây dựng nhà máy xay lúa, sau đó ông Châu Khôn mới sang lại nhà máy cho vợ chồng ông Lâm Cao. Sau đó, ông Lâm Cao sang nhượng nhà máy cho bà Nĩ, ông Minh, tiếp tục ông Minh sang nhượng lại cho Lâm Thị Mần, Lâm Thị Cẩn đến năm 1984 do làm ăn không được nên bà Cẩn, ông Vị kêu ông trả lại phần đất này (hiện nay những người thuê đất đã chết chỉ còn bà Cẩn, ông Vị còn sống).

Việc ông Châu Khôn mượn đất của ông ngoại ông có lập giấy tờ và việc sang nhượng nhà máy giữa những người trên cũng có giấy tờ và có xác nhận của chính quyền thời điểm đó. Giá cho thuê đất là 50 gia lúa/năm, hàng năm những người này có quy lúa ra tiền gửi cho ông. Vào năm 1984 ông nhận lại đất, ông trồng khoai lang, củ lũng đến năm 1989 ông về cất nhà ở. Khi ông cất nhà ở bà Thắng không có tranh chấp, cũng như thành viên trong gia đình bà Thắng cũng không có ai đứng ra tranh chấp. Ông sử dụng ổn định đến năm 2007 thì ông cho Công ty cổ phần dịch vụ hạ tầng mạng thuê để đặt trạm phát sóng - BTS thì hai bên phát sinh tranh chấp.

Đây là đất của ông bà để lại cho ông sử dụng. Ông không đồng ý trả đất theo yêu cầu của nguyên đơn.

Đối phần diện tích đất phía gia đình ông Long đang sử dụng cũng là đất của ông bà của ông để lại, nhưng ông không yêu cầu phía gia đình nguyên đơn trả lại vì hai bên đã sử dụng lâu và có ranh cụ thể.

Đối với tiền bồi hoàn diện tích đất bị thu hồi khi Nhà nước mở rộng đường ông không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Công ty cổ phần Tháp Vàng BTS có văn bản trình bày:

Trạm phát sóng Mobifone thuộc xã An Quảng Hữu được lắp đặt trên phần diện tích tranh chấp thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty cổ phần Tháp Vàng BTS thông qua hình thức nhận chuyển nhượng từ Công ty cổ phần Hạ Tầng Mạng. Thực hiện tại các nội dung của hợp đồng chuyển nhượng từ ngày 01/01/2015. Phía công ty đã ký hợp đồng thuê mặt bằng với ông Trần Văn Q với thời hạn là 03 năm kể từ ngày 01/01/2015 đến ngày 01/01/2018 với tổng tiền thuê là 16.000.000 đồng/năm và bắt đầu chuyển tiền thuê cho ông Trần Văn Q theo đúng nội dung hợp đồng. Hợp đồng thuê được lập trên cơ sở tự nguyện, thiện chí, trung thực và tuân thủ theo các quy định pháp luật, nay Công ty không có yêu cầu gì đối với ông Quang và yêu cầu được giữ nguyên hợp đồng thuê đất với ông Trần Văn Quang

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 29/2018/DSST ngày 20 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh quyết định:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nhan Văn Bu về việc yêu cầu hộ ông Trần Văn Q di dời nhà trả lại diện tích đất 2.350m² thửa số 534, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp Phổ, xã An Qu H, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

2/ Công nhận diện tích đất 2.417,1m² thửa số 534, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp Phổ, xã An Qu H, huyện T C, tỉnh Trà Vinh cho ông Trần Văn Q thuộc phần (A), có tứ cận kèm theo sơ đồ khu đất.

Ông Trần Văn Q được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục xin cấp quyền sử dụng đất trên theo quy định của pháp luật.

Các tài sản trên đất tranh chấp gồm 102 bụi chuối, 01 cây me từ 03-05 năm tuổi, 09 cây dừa từ năm đến 20 năm tuổi, 01 cây cồng phi 30-60, 02 cây bàn phi 30-60, 01 cây dầu phi 30-60, 02 cây mận từ 02-10 năm tuổi, 08 cây cam từ 01-03 năm tuổi cây ổi từ 02-03 năm tuổi, 07 cây dừa nhỏ từ 02-03 năm tuổi, 03 cây đu đủ; nhà ở dạng độc lập, móng cột bê tông cốt thép, trệt, tường xây gạch, trát vữa, quét vôi, không bả, cửa gỗ, nền gạch men, mái tôn, không trần, diện tích 5,9m x 15m = 88,5m²; Nhà vệ sinh móng khung bê tông cốt thép, tường xây gạch, nền gạch men, mái tôn, không trần, có hầm tự hoại, diện tích 2,4m x 2,2m = 5,2m²; Nhà kho loại nhà tre lá nền đất diện tích 3,2 x 8,5m = 27,2m², 01 cái quán cây tạp được xây dựng trước nhà chính có số đo ngang 5,5m x dài 12m = 66m² tiếp tục giao cho ông Trần Văn Q sở hữu.

Ngoài ra, trên đất còn có 01 trạm phát sóng Mobifone của công ty cổ phần tháp vàng BTS, nhưng phía công ty không có yêu cầu gì nên không xem xét; một nền móng bê tông cốt thép được ông Quang và ông Long xác định là nền nhà xây lú cũ không còn giá trị sử dụng nên không xem xét.

Đối với số tiền thu hồi đất để mở rộng lộ giới các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 4/12/2018 nguyên đơn, kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn, ông Nhan Văn Bu giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc ông Trần Văn Q phải trả lại diện tích 2.417,1 m² đất.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì bị đơn, ông Trần Văn Q khai không thống nhất về nhân thân, nguồn gốc đất và quá trình quản lý, sử dụng và kê khai đối với phần diện tích đất đang tranh chấp. Phần đất tranh chấp đã được bà Thắng là mẹ của ông Buone quản lý sử dụng và kê khai, đăng ký đứng tên sổ đất đai từ năm 1983 với diện tích 5.650 m² đất. Còn Quang đến ở nhờ trên đất từ năm 1989 rồi tự ý kê khai, đăng ký và đứng tên sổ mục kê năm 1995 với diện tích 4.760 m² đất thuộc thửa 534 tờ bản đồ số 2, là trái pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn, buộc ông Quang trả lại phần diện tích đất tranh chấp 2.417,1 m² nhưng không yêu cầu phần đất có nhà của ông Quang và gia đình đang ở.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu, về thủ tục, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, sau khi xét xử sơ thẩm nguyên đơn có kháng cáo, yêu cầu xét xử lại. Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn, ông Trần Văn Q không có đơn yêu cầu phản tố về công nhận phần diện tích 2.417,1 m² đất thuộc thửa 534 tờ bản đồ số 2 tọa lạc tại ấp Phổ, xã An Qu H, huyện T C, tỉnh Trà Vinh và tài sản trên đất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm công nhận, xác lập quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản trên đất cho ông Trần Văn Quang, là vượt quá yêu cầu khởi kiện, vi phạm nghiêm trọng tố tụng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo, hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về tố tụng:

Theo đơn khởi kiện thì ông Nhan Văn Bu khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn Q trả lại phần đất hơn 2500m² có nguồn gốc của gia đình ông, là quan hệ tranh chấp đòi quyền sử dụng đất.

Ông Trần Văn Q phản bác không đồng ý trả quyền sử dụng đất theo yêu cầu của ông Buone với lý do đất tranh chấp có nguồn gốc gia đình ông, không có yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất tranh chấp. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm công nhận cho ông Trần Văn Q được quyền sử dụng diện tích 2.417,1 m² thửa số 534, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp Phổ, xã An Qu H, huyện T C, tỉnh Trà Vinh, là vượt quá yêu cầu khởi kiện, vi phạm nghiêm trọng tố tụng.

Ngoài ra, phần tài sản gắn liền với đất các bên không tranh chấp và ông Quang không yêu cầu xác lập quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục giao cho ông Trần Văn Q sở hữu các tài sản trên đất tranh là vượt quá yêu cầu khởi kiện.

2. Về nội dung:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, diện tích 2.417,1 m², là một phần diện tích nằm trong diện tích 4.760 m² thuộc thửa số 534, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp Phổ, xã An Qu H, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

Năm 1983 bà Trịnh Thị T kê khai, đăng ký diện tích 5.650m² thuộc thửa 511 tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại ấp Phổ, xã An Qu H, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

Năm 1989 bà Thắng cho ông Quang đến ở và cất nhà trên phần đất tranh chấp.

Năm 1995 ông Trần Văn Q kê khai, đăng ký đứng tên đối với thửa đất mà bà Trịnh Thị T đã kê khai, đăng ký tại thửa 511 tờ bản đồ số 7 nay là thửa 534 tờ bản đồ số 2 diện tích 4.760m² đất.

Ông Quang đăng ký kê khai đứng tên trong sổ mục kê đối với thửa 534 diện tích 4.760m² nhưng thực tế ông Quang sử dụng diện tích đất tranh chấp 2.530m²

thuộc một phần thửa 534, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp Phổ, xã An Qu H, huyện T C, tỉnh Trà Vinh

Tại Công văn số 747/UBND-NC ngày 21/8/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú giải thích có sự thay đổi chủ thể đăng ký là do chủ sử dụng tự thay đổi trong quá trình sử dụng nên một mảnh đất mà hai người đứng ra kê khai đăng ký, là đăng ký không đúng.

Đến năm 1989 ông Trần Văn Q mới về cất nhà ở trên đất và tự ý kê khai đăng ký là không đúng với thực tế sử dụng đất, trái pháp luật.

Theo ông Quang đất tranh chấp diện tích 2.530m², thửa 534, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp Phổ, xã An Qu H, huyện T C, tỉnh Trà Vinh (trước đây là ấp Ngã Ba, xã An Qu H, huyện T C, tỉnh Trà Vinh) là đất có nguồn gốc của ông Trần Khán đứng bộ từ năm 1960, sau khi ông Khán chết để lại cho ông Trần Chãi là con thừa kế, ông Trần Chãi cho ông Châu Khôn thuê làm nhà máy xay lúa, ông Trần Chãi chết để lại cho con là bà Trần Thị Liềm thừa kế và bà Liềm chết để lại cho con là ông Trần Văn Q thừa kế.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào lời khai của ông Quang và các tài liệu cho thuê làm nhà máy xay lúa để xác định đây là phần đất thuộc di sản của gia đình ông Quang và xác lập quyền sử dụng đất 2.417,1 m² thửa số 534, tờ bản đồ số 02, cho ông Quang là không khách quan và không phù hợp với thực tế quá trình quản lý, sử dụng từ trước giải phóng và kê khai đăng ký từ năm 1983, thực hiện nghĩa vụ tài chính của bà Thắng trên phần đất này.

Các tài liệu, chứng cứ liên quan đến nguồn gốc đất mà ông Quang đưa ra chưa có cơ sở để xác định đất tranh chấp là di sản của mẹ ông Quang và ông Quang được thừa kế quyền sử dụng đất tranh chấp theo quy định của pháp luật về đất đai. Hơn nữa, ông Quang cho rằng trên đất tranh chấp có nhà của ông ngoại là ông Trần Chãi xây dựng từ lâu và ông Quang sống trên đất tranh chấp từ nhỏ. Do đó, cần phải thu thập tài liệu, chứng cứ về quá trình quản lý sử dụng đất và kê khai đăng ký của ông Chãi; tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc thừa kế của mẹ ông Quang là bà Liềm.

Do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng tố tụng và chưa thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được nên cần hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục chung.

Các thừa kế của ông Nhan Văn Bu không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, khoản 2 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nhan Hoàng L, bà Trần Thị Kim K, chị Nhan Hồng M, bà Nhan Thị T, Nhan Văn B, ông Nhan Văn Sáu, Nhan Ngọc M, Nhan Ngọc T, Nhan Huỳnh N, Trần Thị H.

- Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 29/2018/DSST ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh và chuyển hồ sơ vụ án cho tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

- Hoàn lại cho ông Nhan Hoàng L, bà Trần Thị Kim K, chị Nhan Hồng M, bà Nhan Thị T, Nhan Văn B, ông Nhan Văn S, Nhan Ngọc M, Nhan Ngọc T, Nhan Huỳnh N, Trần Thị H mỗi người 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo các biên lai từ số 0001114 đến số 0001122 ngày 12/12/2018 của Cục thi hành án tỉnh Trà Vinh.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án TANDTC;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh;
- VKDND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Thành